

SỔ TAY SINH VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐO

NHÂN VĂN | SÁNG TẠO | THỰC NGHIỆP



MỤC LỤC

I. PHẦN GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT	3
1. Thông tin chung	3
2. Lịch sử hình thành	3
3. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, giá trị văn hóa	4
3.1. Sứ mạng	4
3.2. Tầm nhìn	5
3.3. Giá trị cốt lõi	5
3.4. Triết lý giáo dục	5
4. Định hướng phát triển	5
4.1. Mục tiêu tổng quát	5
4.2. Mục tiêu cụ thể	5
5. Hội đồng trường	6
6. Ban Giám hiệu	7
7. Tổ chức chính trị - xã hội	7
8. Đơn vị quản lý đào tạo	7
9. Các ngành đào tạo	7
9.1. Bao gồm 01 ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ	7
9.2. Bao gồm 06 ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ	7
9.3. Bao gồm 17 ngành đào tạo trình độ Đại học	7
10. Chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị	8
10.1. Các Khoa chuyên môn	8
10.2. Phòng Đào tạo	9
10.3. Phòng Tài chính – Kế toán	9
10.4. Đoàn thanh niên	10
PHẦN II: CÁC NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC SINH VIÊN	10
1. Chế độ chính sách	10
2. Hoạt động ngoại khóa	10
3. Khen thưởng	12
4. Kỷ luật	13
5. Nội quy giảng đường	15
6. Khung thời gian ra vào lớp	17

SỔ TAY SINH VIÊN

Sổ tay sinh viên được phát hành vào đầu mỗi khóa học nhằm giúp cho sinh viên khóa trúng tuyển tìm hiểu hoạt động đào tạo của Trường. Sổ tay sinh viên cung cấp quy định của Nhà trường, các chế độ chính sách của sinh viên được thụ hưởng trong suốt thời gian học tại Trường. Việc tuân thủ quy định, hiểu biết về chế độ chính sách sẽ giúp sinh viên chủ động lên kế hoạch và học tập, rèn luyện, đạt hiệu quả cao trong học tập.

I. PHẦN GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT

1. Thông tin chung

Trường Đại học Đông Đô được thành lập theo Quyết định số 534/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ.

Trụ sở chính: Số 8, đường Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, TP. Hà Nội.

Cơ sở 1: 60B Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Cơ sở thực hành: Tòa B1, Roman Plaza, Tổ Hữu, P. Đại Mỗ, TP. Hà Nội.

Website: hdiu.edu.vn

2. Lịch sử hình thành

Năm 1992, chủ trương cho phép thành lập đại học tư thục và dự thảo quy chế đại học tư thục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nắm bắt kịp thời thông tin đó, tháng 3/1993, Hội đồng sáng lập bắt tay vào viết đề án thành lập trường đại học tư thục theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực gồm các ngành: Ngoại ngữ, Kinh tế, Khoa học kỹ thuật công nghệ, môi trường.

Tháng 5/1993, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 240-TTg ngày 24/5/1993 về việc Ban hành Quy chế Đại học tư thục, tạo tiền đề cho Hội đồng sáng lập hoàn thiện các bước cần thiết cho việc thành lập trường, bao gồm xây dựng quy chế đào tạo, chương trình đào tạo, đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên và hệ thống cơ sở vật chất.

Năm 1994, sau khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định, đánh giá, Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt ban hành Quyết định số 534/TTg ngày 03/10/1994 về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Đông Đô. Hội đồng sáng lập bao gồm những nhà giáo, nhà khoa học lỗi lạc, đứng đầu là GS. TSKH. Trần Hữu Phát, GS. TS. Đào Vọng Đức cùng các thành viên khác. Các thầy đã đặt nền móng cho ngôi trường đại học tư thục đầu tiên tại Việt Nam.

Đến năm 2017, nhu cầu đa dạng của xã hội và công cuộc đổi mới của nền kinh tế, khoa học, kỹ thuật công nghệ phục vụ phát triển đất nước đã đặt ra cho Nhà trường yêu cầu cần phải nhanh chóng đổi mới nội dung, đổi mới chương trình, giáo trình, đổi mới phương pháp đào tạo nhằm mở rộng quy mô đào tạo, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Với mục tiêu phát triển Nhà trường theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực,

tự chủ trong công tác xây dựng chương trình đào tạo, tuyển sinh, cơ sở vật chất...ngày 17/02/2017, Trường Đại học Dân lập Đông Đô đã được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 235/QĐ-TTg về việc chuyển đổi sang loại hình trường đại học tự thực. Theo đó, Trường Đại học Đông Đô trở thành trường đại học tự thực đầu tiên tại Việt Nam, đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong quá trình tự chủ và mở rộng của Nhà Trường.



Hình ảnh hoạt động của sinh viên

Đến nay Nhà trường có 01 ngành đào tạo Tiến sĩ, 06 ngành đào tạo Thạc sĩ và 17 ngành đào tạo cử nhân, đã tuyển sinh được 31 khóa, đào tạo với hàng ngàn cử nhân, kỹ sư ra trường đã có việc làm với mức thu nhập cao.

Trải qua hơn 30 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Đông Đô đã từng bước khẳng định là một trong những cơ sở giáo dục đại học uy tín hàng đầu trên cả nước. Xây dựng và phát triển Nhà trường đến năm 2045 trở thành Đại học đa ngành, đa lĩnh vực; là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo uy tín trong nước và quốc tế.

3. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, giá trị văn hóa

3.1. Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có đạo đức và nền tảng kiến thức vững chắc, có năng lực đổi mới sáng tạo, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu đẹp, đậm đà bản sắc dân tộc.

3.2. Tầm nhìn

Trở thành Trường Đại học hàng đầu của Việt Nam về ứng dụng công nghệ trong đào tạo và nghiên cứu, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới, là lựa chọn ưu tiên của sinh viên trong nước và quốc tế.

3.3. Giá trị cốt lõi

Đổi mới sáng tạo - Chất lượng toàn diện - Hội nhập quốc tế - Trách nhiệm xã hội

3.4. Triết lý giáo dục

Nhân văn - Sáng tạo - Thực nghiệp

Nhân văn: Giáo dục nhằm khơi dậy và phát huy hệ giá trị nhân văn của con người Việt Nam; là quan điểm giáo dục người học trở thành công dân tốt, có đạo đức, có ý thức trách nhiệm với nghề nghiệp, luôn hướng tới sự hoàn thiện, hướng tới chân - thiện - mỹ.

Sáng tạo: Động lực tạo nên sức mạnh trong tiến trình phát triển Nhà trường; phát huy tối đa tiềm năng của người học; giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của bản thân, gia đình và xã hội.

Thực nghiệp: Chú trọng thực học, thực nghiệp; hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, với nhu cầu việc làm; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có đủ năng lực, trình độ, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

4. Định hướng phát triển

4.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển Trường Đại học Đông Đô đến năm 2045 trở thành Đại học đa ngành, đa lĩnh vực; là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo uy tín trong nước và quốc tế.

4.2. Mục tiêu cụ thể

Về Đào tạo: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo hướng phát triển năng lực toàn diện; có khả năng thích ứng với môi trường kinh tế - xã hội phát triển; có chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp; năng động, sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học và khả năng học tập suốt đời. Quy mô đào tạo khoảng 20.000 sinh viên vào năm 2035 và 30.000 sinh viên năm 2045.

Về Khoa học, công nghệ: Thành lập các trung tâm nghiên cứu khoa học tiên tiến, có sản phẩm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ ngang tầm khu vực; thực hiện các hoạt động nghiên cứu, tư vấn, và phát triển các sản phẩm ứng dụng, thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

Về Cơ sở vật chất, thiết bị: Xây dựng CSVC đồng bộ, hiện đại, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu đại học thông minh.

Về Kiểm định chất lượng: Đáp ứng yêu cầu quốc gia về kiểm định cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo.

Về Tổ chức, đội ngũ và quản trị đại học: Triển khai đồng bộ hệ thống quản trị đại học để hướng tới phát triển đại học thông minh; Phát triển đội ngũ nhân sự quản lý, giảng viên, nhân viên có trình độ cao, phù hợp với quy mô, chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng yêu cầu hội nhập trong nước và quốc tế.

Về Hội nhập quốc tế: Nâng cao mức độ quốc tế hóa các chương trình đào tạo, đặc biệt là những chương trình chất lượng cao; thu hút sinh viên, giảng viên, chuyên gia quốc tế đến học tập, làm việc tại Trường; tăng cường kết nối với các hoạt động khoa học và công nghệ quốc tế, thu hút chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy và tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển các nhóm nghiên cứu, phòng thí nghiệm phối hợp với nước ngoài nhằm gia tăng tiềm lực khoa học công nghệ.



Hình ảnh Ngày hội nhập học 2026 - Chào mừng Tân sinh viên khóa 31

5. Hội đồng trường

STT	Họ và Tên	Học hàm/ học vị	Chức vụ
1	Nguyễn Thế Sơn	Thạc sĩ	Phó Chủ tịch Hội đồng trường

6. Ban Giám hiệu

STT	Họ và Tên	Học hàm/ học vị	Chức vụ
1	Nguyễn Anh Tuấn	Tiến sĩ	Hiệu trưởng
2	Lê Thị Dung	Tiến sĩ	Phó Hiệu trưởng
3	Nguyễn Thế Sơn	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng

7. Tổ chức chính trị - xã hội

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Đ/C Trần Khắc Hưng	Bí thư Đảng ủy
2	Đ/C Vũ Xuân Xiển	Chủ tịch Hội cựu chiến binh
3	Đ/C Vương Thị Hà	Chủ tịch Công Đoàn trường
4	Đ/C Cù Đức Thành	Bí thư Đoàn trường

8. Đơn vị quản lý đào tạo

- Phòng Đào tạo
- Phòng công tác sinh viên
- Viện đào tạo sau đại học

9. Các ngành đào tạo

9.1. Bao gồm 01 ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ

- Quản trị kinh doanh

9.2. Bao gồm 06 ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ

- Quản lý Kinh tế
- Quản lý Công
- Quản lý tài nguyên và môi trường
- Quản trị kinh doanh
- Tài chính ngân hàng
- Kiến trúc

9.3. Bao gồm 17 ngành đào tạo trình độ Đại học

- Ngôn ngữ Trung Quốc
- Ngôn ngữ Hàn Quốc
- Ngôn ngữ Nhật
- Quản trị kinh doanh
- Thương mại điện tử
- Tài chính ngân hàng
- Kế toán
- Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
- Điều dưỡng
- Dược học
- Kỹ thuật – Xét nghiệm y học
- Thú y

- Công nghệ thông tin
- Công nghệ kỹ thuật ô tô
- Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa
- Luật kinh tế
- Quản lý nhà nước

10. Chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị

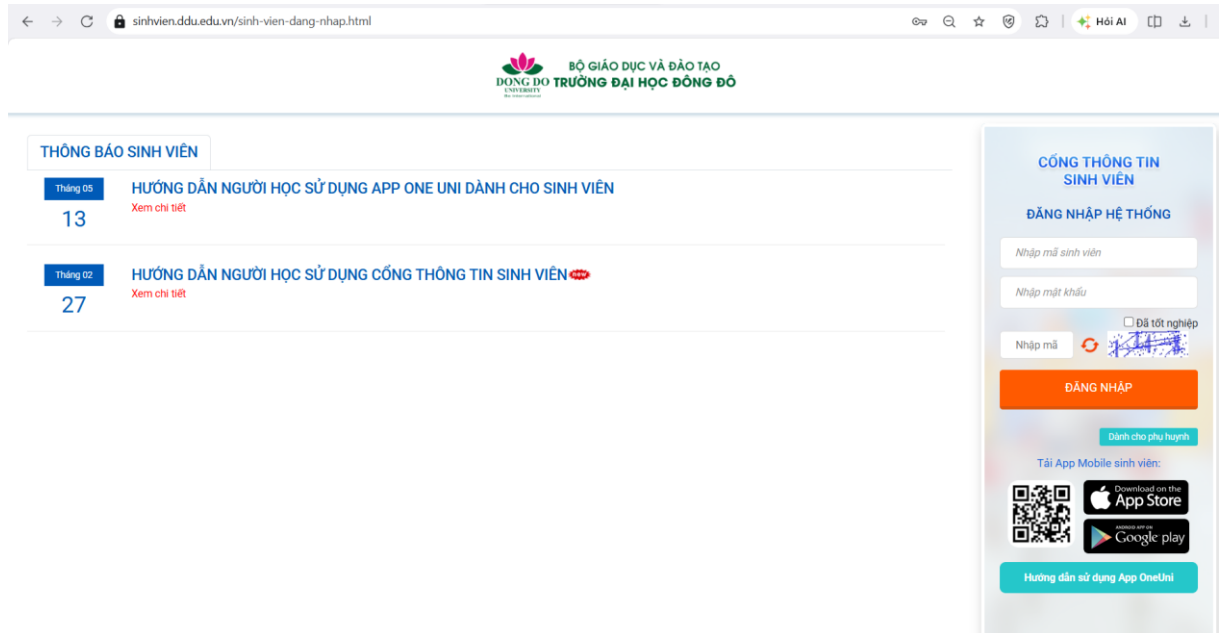
10.1. Các Khoa chuyên môn

- Kế hoạch học tập theo kỳ, năm học (lý thuyết, thực hành, thực tập tốt nghiệp, thi học kỳ...), hướng dẫn thực hiện kế hoạch.
- Xếp thời khóa biểu, lịch thi học kỳ.
- Đề nghị cấp giấy giới thiệu sinh viên đi thực tập, thăm quan.
- Tổ chức lớp sinh viên, Ban cán sự lớp, Chủ nhiệm lớp, phối hợp tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động tình nguyện, các cuộc thi cấp Khoa.
- Theo dõi lớp sinh viên, ban cán sự lớp, chủ nhiệm lớp.
- Theo dõi công tác đánh giá kết quả rèn luyện, khen thưởng, kỷ luật, xác nhận hạnh kiểm.
- Thông tin liên hệ:

TT	Khoa	Ngành	Cán bộ phụ trách	Số điện thoại
1	Kinh tế - Quản lý	Kế toán	Nguyễn Thị Tuyết Mai	0977565977
		Tài chính ngân hàng		
		Quản trị kinh doanh	Trần Thị Ngọc Tuyết	
2	Dược - Xét nghiệm	Dược học	Hoàng Thị Hảo	0963123436
		Kỹ thuật Xét nghiệm Y học		
3	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Dương Thị Kim Huệ	0916899218
		Ngôn ngữ Nhật		
		Ngôn ngữ Hàn Quốc	Lê Hải Nam	0904228229
4	Điều Dưỡng	Điều dưỡng	Ngô Đức Thọ	0983358035
5	Kỹ thuật - Công nghệ	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Nguyễn Đình Tân	0972922880
		Thương mại điện tử		
		Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		
6	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Trần Sơn Tùng	0977555561
7	Cơ Bản	Giáo dục thể chất Giáo dục quốc phòng an ninh	Phạm Diệu Linh	0972991994
8	Thú Y	Thú y	Vũ Thị Tố Uyên	0983325038

9	Du Lịch - Khách sạn	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Trần Doãn Cường	0384568080
10	Luật	Luật kinh tế	Lê Hoàng Anh	0916966966
		Quản lý nhà nước		

- Tra cứu điểm, học phí: <https://sinhvien.ddu.edu.vn/sinh-vien-dang-nhap.html>
(Sau đó sinh viên vào tài khoản được cung cấp riêng cho từng sinh viên).



10.2. Phòng Đào tạo

- Quản lý thực hiện chương trình đào tạo.
- Cấp bằng điểm.
- Xét miễn giảm môn học.
- Cấp chứng nhận tốt nghiệp tạm thời.
- Giải quyết đơn chuyển ngành, đăng ký học hai ngành.
- Phòng Quản lý sinh viên
- Tổ chức tuần lễ sinh hoạt công dân đầu năm, đầu khóa.
- Cấp chứng nhận sinh viên, thẻ sinh viên.
- Giải quyết đơn chuyển trường, chuyển ngành, đăng ký học hai ngành, giải quyết bảo lưu, thôi học.
- Xác nhận sinh viên, xác nhận sinh viên có nhu cầu vay vốn để làm thủ tục vay vốn tại ngân hàng chính sách xã hội tại địa phương, xác nhận sinh viên đề nghị xin xét các thủ tục hưởng chế độ chính sách tại cơ quan Nhà nước.

10.3. Phòng Tài chính – Kế toán

- Sinh viên giao dịch nộp học phí, lệ phí tại Phòng Tài chính – Kế toán tại Trường hoặc nộp qua tài khoản của trường (Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank), số TK: 688688886666. Khi nộp ghi rõ tên sinh viên, lớp, ngành, lý do nộp.

- Thu các khoản dịch vụ như cấp lại bằng điểm, cấp lại thẻ sinh viên, sao y bản chính...

- Quản lý việc thực hiện các chế độ chính sách như miễn giảm học phí, chế độ chính sách, khen thưởng...

- Thư viện: Đặt tại tầng 2 Đại học Đông Đô (tòa B1 Roman Plaza Tố Hữu)

- Tổ chức phòng đọc cho sinh viên.

- Lưu giữ, cung cấp tài liệu, giáo trình phục vụ học tập nghiên cứu cho sinh viên.

10.4. Đoàn thanh niên

- Lưu giữ, rút sổ Đoàn, chuyên công tác sinh hoạt Đoàn.

- Giới thiệu thông tin về các chương trình có liên quan trực tiếp đến sinh viên.

- Hướng dẫn, tổ chức các chương trình hoạt động thanh niên, sinh viên.

PHẦN II: CÁC NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

1. Chế độ chính sách

Xác nhận vay vốn: Sinh viên có nhu cầu vay vốn ngân hàng chính sách xã hội để trang trải chi phí học tập xin được cấp giấy xác nhận mỗi học kỳ để nộp về ngân hàng chính sách xã hội tại địa phương để làm hồ sơ vay vốn.

Xác nhận sổ ưu đãi: Sinh viên thuộc đối tượng con thương binh, liệt sỹ cần xác nhận sổ ưu đãi giáo dục để nộp địa phương chi trả tiền hỗ trợ kinh phí học tập.

2. Hoạt động ngoại khóa

Hoạt động văn hóa, văn nghệ - Thể dục thể thao cấp Trường, cấp Khoa.

Câu lạc bộ - Đội - Nhóm.



Hình ảnh các hoạt động ngoại khóa của sinh viên

3. Khen thưởng

Sinh viên được khen thưởng khi đạt các tiêu chuẩn, điều kiện sau.

TT	Danh hiệu thi đua	Tiêu chuẩn, điều kiện	Ghi chú
I Khen thưởng thi đua tập thể			
1	Tập thể tiên tiến	- Có từ 25% sinh viên đạt danh hiệu sinh viên khá trở lên; - Có cá nhân đạt danh hiệu sinh viên giỏi trở lên; - Không có cá nhân xếp loại học tập kém hoặc rèn luyện kém,; - Không có cá nhân bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên; - Tập thể đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện, tổ chức nhiều hoạt động thi đua và tích cực hưởng ứng phong trào thi đua của Nhà trường	Giấy khen của Hiệu trưởng và phần thưởng.
2	Tập thể xuất sắc	- Đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu lớp sinh viên tiên tiến - Có từ 10% sinh viên đạt danh hiệu sinh viên giỏi trở lên, có các nhân đạt danh hiệu sinh viên xuất sắc	Giấy khen của Hiệu trưởng và phần thưởng.
II Khen thưởng thi đua cá nhân			
1	Sinh viên giỏi	- Xếp loại học tập từ giỏi trở lên ($\geq 3,2/4$) và xếp loại rèn luyện từ tốt trở lên (≥ 85)	Giấy khen của Hiệu trưởng;
2	Sinh viên xuất sắc	- Kết quả học tập đạt xuất sắc ($\geq 3,6/4$) và xếp loại rèn luyện xuất sắc ($\geq 95/100$)	Giấy khen của Hiệu trưởng;
III Khen thưởng đột xuất			
1	Khen thưởng đột xuất	- Đạt giải trong các cuộc thi học thuật tương ứng các môn học, thi nghiên cứu khoa học, các cuộc thi sáng tạo kỹ thuật, học thuật, văn hóa, văn nghệ, thể thao - Đóng góp có hiệu quả trong công tác cộng đồng, trong hoạt động thanh niên xung kích, sinh viên tình nguyện, giữ gìn an ninh trật tự, các hoạt động trong lớp, khoa, trong ký túc xá, hoạt động xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao. - Các thành tích đặc biệt khác.	Giấy khen của Hiệu trưởng; Theo quy định của pháp luật
IV Khen thưởng toàn khóa học			
1	Danh hiệu “Sinh viên tốt nghiệp Thủ khoa toàn trường”	Sinh viên tốt nghiệp đạt các tiêu chuẩn sau: - Tốt nghiệp đúng thời hạn; - Có điểm trung bình tích lũy toàn khóa cao nhất trong tất cả Thủ khoa các Khoa/Viện (điểm trung bình tích lũy từ $\geq 3.4/4$ trở lên). - Điểm rèn luyện từ $\geq 85/100$ trở lên	Trường hợp cụ thể do Hiệu trưởng quyết định và phần thưởng
2	Danh hiệu “Sinh viên tốt nghiệp Thủ khoa toàn Khoa”	Sinh viên tốt nghiệp đạt các tiêu chuẩn sau: - Tốt nghiệp đúng thời hạn; - Có điểm trung bình tích lũy toàn khóa cao nhất Khoa (nhưng không thấp hơn 3.2/4), - Điểm rèn luyện toàn khóa đạt từ $\geq 85/100$ trở lên, mỗi Khoa có tối đa 01 Thủ Khoa.	Trường hợp cụ thể do Hiệu trưởng quyết định và phần thưởng
3	Danh hiệu “Sinh viên tốt nghiệp Á khoa toàn Khoa”	Sinh viên tốt nghiệp đạt các tiêu chuẩn sau: - Tốt nghiệp đúng thời hạn; - Có điểm trung bình tích lũy toàn khóa cao thứ 2 tại Khoa (nhưng không thấp hơn 3,2/4) - Điểm rèn luyện toàn khóa đạt từ $\geq 85/100$ trở lên.	Số lượng và các trường hợp cụ thể do Hiệu trưởng quyết định

			dựa vào số lượng sinh viên tốt nghiệp hàng năm và phần thưởng
4	Danh hiệu “Sinh viên tốt nghiệp loại Giỏi”	Sinh viên tốt nghiệp đạt các tiêu chuẩn sau: - Tốt nghiệp đúng hạn - Có điểm trung bình tích lũy toàn khoá từ $\geq 3,2$ trở lên - Điểm rèn luyện toàn khoá đạt từ $\geq 85/100$ trở lên	Giấy khen của Hiệu trưởng và phần thưởng
5	Danh hiệu “Sinh viên rèn luyện Xuất sắc”	Sinh viên tốt nghiệp đạt các tiêu chuẩn sau: - Tốt nghiệp đúng hạn - Số điểm trung bình tích lũy toàn khoá từ $\geq 2,3/4$ trở lên, - Có điểm rèn luyện toàn khoá đạt Xuất sắc (từ 95/100 trở lên)	Giấy khen của Hiệu trưởng và phần thưởng

4. Kỷ luật

Một số nội dung vi phạm và khung xử lý kỷ luật sinh viên
(Kèm theo Quyết định số 118 /QĐ-ĐHĐĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đô)

TT	Nội dung vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức xử lý (Số lần tính trong cả khóa học)				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thôi học	
1	Đến muộn giờ học, giờ thực tập; nghỉ học không phép hoặc quá phép					Theo Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học hệ chính quy
2	Mất trật tự, làm việc riêng trong giờ học, giờ thực tập và tự học					Theo Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học hệ chính quy
3	Vô lễ với thầy, cô giáo và cán bộ viên chức nhà trường					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
4	Học thay hoặc nhờ người khác học thay					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
5	Thi, kiểm tra thay, hoặc nhờ thi, kiểm tra thay; làm thay, nhờ làm hoặc sao chép tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp			Lần 1	Lần 2	
6	Tổ chức học, thi, kiểm tra thay; tổ chức làm thay tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp				Lần 1	Tùy theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
7	Mang tài liệu vào phòng thi, đưa đề thi ra ngoài nhờ làm thay, ném tài liệu vào phòng thi, vẽ bậy vào					Xử lý theo quy chế đào tạo

	bài thi; bỏ thi không có lý do chính đáng và các hình thức gian lận khác trong học tập, thi, kiểm tra					
8	Cố tình chậm nộp hoặc không nộp học phí, bảo hiểm y tế theo quy định của nhà trường mà không có lý do chính đáng.					Tùy theo mức độ, xử lý từ nhắc nhở, khiển trách đến buộc thôi học
9	Làm hư hỏng tài sản trong ký túc xá và các tài sản khác của trường					Tùy mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học và phải bồi thường thiệt hại
10	Uống rượu, bia trong giờ học; say rượu, bia khi đến lớp.	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	
11	Hút thuốc lá trong giờ học, phòng họp, phòng thí nghiệm và nơi cấm hút thuốc theo quy định					Từ lần 3 trở lên, xử lý từ khiển trách đến cảnh cáo
12	Đánh bạc dưới mọi hình thức	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Tùy mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định pháp luật
13	Đánh bài, chơi trò chơi điện tử trong giờ học.	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
14	Tàng trữ, lưu hành, truy cập, sử dụng sản phẩm văn hóa đồi trụy hoặc tham gia các hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động tôn giáo trái phép	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
15	Buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, lôi kéo người khác sử dụng ma túy				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
16	Sử dụng ma túy			Lần 1	Lần 2	Xử lý theo quy định về xử lý sinh viên liên quan đến ma túy.
17	Chứa chấp, môi giới mại dâm				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
18	Hoạt động mại dâm			Lần 1	Lần 2	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
19	Lấy cắp tài sản, chứa chấp, tiêu thụ tài sản do lấy cắp mà có					Tùy theo mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
20	Chứa chấp, buôn bán vũ khí, chất nổ và hàng cấm theo quy định của Nhà nước.				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật

21	Đưa phần tử xấu vào trong trường, ký túc xá gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trong nhà trường.			Lần 1	Lần 2	Tùy theo mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học
22	Đánh nhau, tổ chức hoặc tham gia tổ chức đánh nhau			Lần 1	Lần 2	Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
23	Kích động, lôi kéo người khác biểu tình, viết truyền đơn, áp phích trái pháp luật				Lần 1	Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
24	Tham gia biểu tình, tụ tập đông người, khiếu kiện trái quy định của pháp luật			Lần 1	Lần 2	Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
25	Đăng tải, bình luận, chia sẻ bài viết, hình ảnh có nội dung dung tục, bạo lực, đồi trụy, xâm phạm an ninh quốc gia, chống phá Đảng và Nhà nước, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân trên mạng Internet.					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
26	Có hành động quấy rối, dâm ô, xâm phạm nhân phẩm, đời tư của người khác					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.
27	Vi phạm các quy định về an toàn giao thông					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
28	Các vi phạm khác					Tùy theo mức độ, nhà trường xem xét, nhắc nhở, phê bình, trừ Điểm rèn luyện hoặc xử lý kỷ luật từ khiển trách đến buộc thôi học.

5. Nội quy giảng đường

Sinh viên Trường Đại học Đông Đô ngoài việc chấp hành tốt các Nội quy, Quy chế về đào tạo còn phải thực hiện nghiêm túc các quy định trong bản nội quy này, cụ thể như sau:

1. Sinh viên phải mang theo “Thẻ sinh viên” đến trường.
2. Trang phục: Khi đến trường, sinh viên phải mặc trang phục theo quy định:
 - Đối với nam: Mặc quần âu, áo sơ mi hoặc áo phông có cổ, có ống tay: đi giày, dép có quai hậu hoặc dép da;

- Đối với nữ: Mặc quần áo hoặc váy dài quá đầu gối, áo sơ mi hoặc áo phông có cổ, có ống tay, đi giày, đi dép có quai hậu hoặc dép da.

3. Thời gian học tập: Sinh viên đi học đúng giờ quy định, ra, vào lớp phải xin phép giảng viên và theo hiệu lệnh quy định.

4. Ý thức: Khi có hiệu lệnh vào lớp, sinh viên phải vào lớp học, tuyệt đối không đứng ở ngoài hành lang, cầu thang.

- Phải đi nhẹ, nói khẽ, không gây mất ồn ào mất trật tự.

- Sinh viên phải có thái độ lễ phép tôn trọng cán bộ giảng viên, người lao động của nhà trường, ngôn ngữ giao tiếp phải lịch thiệp, thái độ hòa nhã, thân thiện.

- Khi giảng viên vào lớp, sinh viên phải đứng dậy chào; trong lớp phải nghiêm túc, trật tự nghe giảng, đối xử hòa nhã với bạn bè.

- Sử dụng điện đúng mục đích, hiệu quả; không sử dụng điện thoại, không chơi game trong giờ học, giờ thi; không chơi bạc dưới mọi hình thức.

- Không có hành vi thiếu văn hóa như nói tục, cãi nhau, làm ồn ào mất trật tự ở nơi đông người như hội trường, giảng đường, thư viện, căng tin. Nghiêm cấm mang bất kỳ vật dụng nào có thể làm hung khí đánh nhau vào trường.

- Không hút thuốc lá, ăn kẹo cao su, ăn quà bánh, ăn cơm, uống cà phê... trong phòng học, giảng đường, thư viện.

- Hết giờ học, trước khi ra khỏi lớp, sinh viên phải tự giác kê lại bàn ghế ngay ngắn, đúng vị trí, tắt đèn, tắt điều hòa, tắt quạt, đóng cửa...

- Phải giữ gìn và bảo quản tài sản, trang thiết bị của trường. Không dùng bút nhọn để viết, vẽ, rạch lên bàn ghế, bảng, tường, rèm trong phòng học, giảng đường, hội trường, thư viện, căng tin khu vệ sinh ... làm hư hỏng tài sản của nhà trường. Không chạy nhảy, không ngồi lên bàn, không đạp chân lên tường và hành lang lớp học. Không tự di chuyển bàn ghế từ phòng này sang phòng khác.

- Phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường, cảnh quan, giữ gìn vệ sinh chung, không vứt rác làm mất vệ sinh trong khuôn viên nhà trường.

- Nếu vi phạm các quy định, tùy theo mức độ, sinh viên sẽ phải bồi thường thiệt hại hoặc chịu các hình thức kỷ luật từ nhắc nhở, phê bình, khiển trách, cảnh cáo đến buộc thôi học tùy theo mức độ và số lần vi phạm.

6. Khung thời gian ra vào lớp

Khung giờ buổi sáng							
Tiết học	1	2	3	4	5	6	
Thời gian	7h00-7h50	7h55-8h45	8h50-9h40	9h50-10h40	11h40-11h35	11h40-12h30	
Khung giờ buổi chiều							
Thời gian	12h45-13h35	13h40-14h30	14h35-15h25	15h35-16h25	16h30-17h20	17h25-18h15	
Tên khóa học viết tắt							
2019	2020	2021	2022	2023	2025	2025	2026
K24	K25	K26	K27	K28	K29	K30	K31